

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số kiến thiết Lạng Sơn
(Kèm theo Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 08/7/2024
của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số kiến thiết Lạng Sơn.

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

- Trong phạm vi Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - “Công ty” là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số kiến thiết Lạng Sơn do Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn quyết định thành lập.
 - “Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty” là từ gọi tắt của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.
- Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các văn bản khác có liên quan sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

3. Các tham chiếu của Điều lệ này tới quy định của văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Tên, địa chỉ trụ sở chính.

- Tên Công ty

Tên đầy đủ tiếng Việt: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN**

- Địa bàn hoạt động: theo quy định của pháp luật.

3. Trụ sở chính: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Điện thoại: (0205) 3870.236 Fax: (0205) 3715560.

- Website: <http://congtyxosolangson.vn>

- Mã số doanh nghiệp: 4900100942.

Điều 4. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Công ty tổ chức và hoạt động dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ này.
2. Công ty có tư cách pháp nhân và được mở tài khoản tiền đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về tổ chức tín dụng.
3. Công ty có con dấu riêng theo quy định của Nhà nước. Con dấu của Công ty được quản lý và sử dụng tại trụ sở chính của Công ty.
4. Công ty hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.
5. Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của Công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty.

Điều 5. Chủ sở hữu công ty

1. Nhà nước là chủ sở hữu Công ty.
2. Cơ quan đại diện Chủ sở hữu công ty là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.
 - Địa chỉ: đường Hùng Vương, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.
 - Về việc phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và Nghị định của Chính phủ.

Điều 6. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2023 là: 24.110.896.667 (*Hai mươi bốn tỷ, một trăm mười triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*)

Điều 7. Mục tiêu hoạt động, ngành nghề kinh doanh.

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty
 - a) Mục tiêu của công ty là hoạt động kinh doanh thu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.
 - b) Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động trong Công ty, tạo công ăn việc làm cho người lao động tại địa phương.
 - c) Tham gia tích cực có hiệu quả trong việc thực hiện các chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.
2. Ngành nghề kinh doanh

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động xổ số	92001 (Chính)
2	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ và dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác.</i>	5510
3	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Hoạt động vui chơi giải trí (hoạt động vui chơi có thưởng).</i>	9329
4	Vận tải hành khách đường bộ khác <i>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe nội tỉnh, liên tỉnh.</i>	4932
5	Cho thuê xe có động cơ <i>Chi tiết: Cho thuê xe ô tô</i>	7710
6	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Cho thuê của hàng, văn phòng, ki ốt.</i>	6810
7	Điều hành tua du lịch	7912
8	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
9	Đại lý du lịch	7911

Điều 8. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty.

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty theo mô hình: Chủ tịch Công ty, Giám đốc và Ban kiểm soát; Chủ tịch Công ty có thể kiêm Giám đốc.

2. Bộ máy tổ chức quản lý và điều hành của Công ty:

a) Chủ tịch công ty.

b) Ban kiểm soát (Trường hợp Ban kiểm soát chỉ có 01 Kiểm soát viên thì Kiểm soát viên đó đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát và phải đáp ứng tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát).

c) Giám đốc.

d) Phó giám đốc.

đ) Kế toán trưởng.

- e) Các phòng chức năng.
 - Phòng Tổ chức - Hành chính.
 - Phòng Kế toán - Tài vụ.
 - Phòng Kế hoạch phát hành.
 - Phòng Kinh doanh.
 - Bộ phận Khách sạn.
- g) Các văn phòng đại diện.

Điều 9. Người đại diện theo pháp luật

1. Số lượng người đại diện theo pháp luật là: 01 người. Chức danh người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 10. Quản lý nhà nước

Công ty chịu sự quản lý hành chính nhà nước của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

Điều 12. Các quyền và nghĩa vụ của Công ty.

1. Quyền của Công ty.
 - a) Công ty có quyền quản lý và sử dụng linh hoạt toàn bộ số vốn chủ sở hữu và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
 - b) Tự do kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật không cấm.
- Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô ngành, nghề kinh doanh.

- c) Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
- d) Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký hợp đồng.
- đ) Tuyển dụng, thuê, và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh và quy định của pháp luật lao động.
- e) Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh; được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
- g) Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.
- h) Từ chối yêu cầu cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật.
- i) Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.
- k) Tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
- l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ của Công ty.

- a) Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật đầu tư và đảm bảo duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh. Kinh doanh đúng ngành nghề kinh doanh đã đăng ký; tổ chức kinh doanh có hiệu quả, chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện chủ sở hữu về kết quả kinh doanh; bảo toàn và phát triển vốn, hiệu quả sử dụng vốn.
- b) Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.
- c) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.
- d) Thực hiện đảm bảo đúng các quy định về quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán; kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- đ) Đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong công ty; không ngược đãi lao động, cưỡng bức lao động hoặc sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

e) Thực hiện các chế độ báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước, yêu cầu của các cơ quan đại diện chủ sở hữu và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo. Công bố công khai đầy đủ các thông tin của Công ty và báo cáo quyết toán hàng năm theo quy định hiện hành.

g) Chịu sự giám sát của Nhà nước trong việc thực hiện các quy định liên quan đến chế độ, chính sách cho người quản lý Công ty, người lao động. Chịu sự giám sát, thanh tra, kiểm tra và chấp hành các quyết định kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

h) Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bình đẳng giới, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh.

i) Thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng. Đảm bảo các điều kiện công bằng và thuận lợi như nhau cho các khách hàng.

k) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và khách hàng về số lượng, chất lượng, điều kiện cung ứng và giá, phí sản phẩm, dịch vụ cung ứng.

l) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và cơ quan đại diện chủ sở hữu giao.

Chương II **CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY**

Điều 13. Quyền của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty

1. Quyết định ban hành Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; quyết định, điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty.

2. Quyết định chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty;

3. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.

4. Quyết định đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Chủ tịch công ty, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên;

5. Có ý kiến bằng văn bản trước khi Chủ tịch công ty quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Giám đốc công ty.

6. Phê duyệt chủ trương theo đề nghị của Chủ tịch công ty về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc.

7. Quyết định quỹ tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của người quản lý, Trưởng ban kiểm soát, kiểm soát viên của Công ty theo quy định;

8. Phê duyệt chủ chương cho từng dự án đầu tư xây dựng, mua, bán tài sản cố định lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án.

9. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

10. Thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản và các hợp đồng khác do Điều lệ công ty quy định có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty;

11. Phê duyệt báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của Công ty;

12. Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, việc tuyển dụng lao động, thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng của Công ty; đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và kết quả xếp loại của Công ty; đánh giá xếp loại người quản lý, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên của công ty. Có ý kiến về việc giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền đối với hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại Công ty.

13. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty.

14. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Nghĩa vụ của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty

1. Đầu tư đủ vốn điều lệ;

2. Tuân thủ Điều lệ công ty;

3. Xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu Nhà nước và tài sản của Công ty;

4. Tuân thủ pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê, giao dịch khác theo phân cấp giữa cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty và chủ tịch Công ty;

5. Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty;

6. Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty không được rút lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn;

7. Có nghĩa vụ về các khoản nợ và tài sản khác trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty.

8. Có nghĩa vụ giám sát, kiểm tra, đánh giá các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty. Trường hợp phát hiện Công ty gặp khó khăn trong thanh

toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty yêu cầu và chỉ đạo Công ty có đề án khắc phục và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

9. Có nghĩa vụ chỉ đạo Chủ tịch công ty thực hiện thủ tục yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản khi Công ty lâm vào tình trạng phá sản.

10. Có nghĩa vụ thực hiện đúng thẩm quyền, đúng pháp luật khi phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của Công ty; giám sát thực hiện các quyết định và phê duyệt của mình.

11. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và các pháp luật liên quan.

Chương III **TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY**

Mục 1. CHỦ TỊCH CÔNG TY

Điều 15. Chủ tịch công ty

1. Chủ tịch công ty do cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm theo quy định của pháp luật. Chủ tịch công ty có nhiệm kỳ không quá năm (05) năm. Chủ tịch công ty có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá hai nhiệm kỳ, trừ trường hợp người được bổ nhiệm đã có trên 15 năm làm việc liên tục tại công ty trước khi được bổ nhiệm lần đầu; tiêu chuẩn, điều kiện và các trường hợp miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật. Chủ tịch công ty có thể kiêm nhiệm Giám đốc nhưng không được kiêm nhiệm các chức danh quản lý của doanh nghiệp khác.

2. Chủ tịch công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện:

- a) Là công dân Việt Nam và thường trú tại Việt Nam.
- b) Bảo đảm tiêu chuẩn chung theo quy định của Đảng, Nhà nước và tiêu chuẩn cụ thể của chức danh bổ nhiệm theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.
- c) Có trình độ đại học trở lên.
- d) Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật.
- đ) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc lĩnh vực ngành, nghề hoạt động công ty;
- e) Không phải là vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng, Kiểm soát viên công ty;

g) Không phải là cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc không phải là người quản lý điều hành tại doanh nghiệp thành viên;

h) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Giám đốc của doanh nghiệp nhà nước.

3. Chủ tịch công ty bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 93 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

b) Có đơn xin từ chức và được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận bằng văn bản;

c) Có quyết định điều chuyển, bố trí công việc khác hoặc nghỉ hưu;

d) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao; bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

đ) Không đủ sức khỏe hoặc không còn uy tín để giữ chức vụ.

4. Chủ tịch công ty bị cách chức trong những trường hợp sau đây:

a) Công ty không hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch hằng năm, không bảo toàn và phát triển vốn đầu tư theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu mà không giải trình được nguyên nhân khách quan hoặc giải trình nguyên nhân không được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận;

b) Bị Tòa án kết án và bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

c) Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của công ty.

5. Thôi việc thực hiện theo quy định tại Điều 63 Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ; Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 159/2020/NĐ-CP.

6. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm hoặc cách chức, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm người khác thay thế.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch công ty

Chủ tịch công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại công ty theo quy định của Luật quản lý vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành:

1. Quyết định các nội dung theo quy định tại luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp:

a) Chủ tịch công ty quyết định phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công;

b) Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của công ty, Chủ tịch công ty quyết định từng dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công;

c) Chủ tịch công ty quyết định từng dự án đầu tư ra ngoài công ty với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

2. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng, văn phòng đại diện trực thuộc công ty.

3. Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm, chủ trương phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của công ty.

4. Ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty. Ký hợp đồng lao động với người lao động trong công ty.

5. Quyết định đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức và quyết định mức lương, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty.

6. Chủ tịch công ty sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc và con dấu của công ty để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

7. Các quyết định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty phải được lập thành văn bản, ký tên với chức danh Chủ tịch công ty bao gồm cả trường hợp Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc.

8. Quyết định của Chủ tịch công ty có hiệu lực kể từ ngày ký hoặc ngày có hiệu lực ghi trong quyết định đó, trừ trường hợp phải được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

9. Tiền lương, thưởng và quyền lợi khác của Chủ tịch công ty do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định và được tính vào chi phí quản lý công ty.

10. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan.

Điều 17. Trách nhiệm của Chủ tịch công ty

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của chủ sở hữu công ty và quy định của pháp luật.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và Nhà nước.
3. Trung thành với lợi ích của công ty và Nhà nước. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà mình và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được tập hợp và lưu giữ tại trụ sở chính và các văn phòng đại diện của Công ty.
5. Chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện chủ sở hữu trong quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn. Báo cáo kịp thời cơ quan đại diện chủ sở hữu khi Công ty hoạt động thua lỗ, không đảm bảo khả năng thanh toán, không hoàn thành nhiệm vụ được giao và các trường hợp sai phạm khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty thực hiện các hành vi sau đây: lợi dụng danh nghĩa công ty vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của công ty và gây thiệt hại cho người khác; thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn khi có nguy cơ rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với công ty.
6. Trường hợp Chủ tịch công ty vắng mặt ở Việt Nam trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện một số quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch công ty; việc ủy quyền phải được thông báo kịp thời bằng văn bản đến cơ quan đại diện chủ sở hữu. Các trường hợp ủy quyền khác thực hiện theo quy định tại quy chế quản lý nội bộ.

Mục 2. KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 18. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập Ban kiểm soát có từ 01 đến 05 Kiểm soát viên, trong đó có Trưởng Ban kiểm soát. Kiểm soát viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục tại Công ty. Trường hợp Ban kiểm soát chỉ có 01 Kiểm soát viên thì Kiểm soát viên đó đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát và phải đáp ứng tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát. Kiểm soát viên làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
2. Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và có ít nhất 03 năm

kinh nghiệm làm việc; Trưởng Ban kiểm soát phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc;

b) Không được là người quản lý công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu của công ty; Chủ tịch công ty; Giám đốc; Phó giám đốc, Kế toán trưởng; Kiểm soát viên khác của công ty;

d) Không thuộc đối tượng cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật.

3. Quyền của ban kiểm soát

a) Tham gia các cuộc họp, cuộc tham vấn và trao đổi chính thức và không chính thức của cơ quan đại diện chủ sở hữu với Chủ tịch công ty; có quyền chất vấn Chủ tịch công ty và Giám đốc về các kế hoạch, dự án hay chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý điều hành công ty.

b) Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của Công ty; kiểm tra công việc quản lý điều hành của Chủ tịch công ty, Giám đốc khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

c) Yêu cầu Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin về bất cứ việc gì trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty.

d) Yêu cầu những người quản lý Công ty báo cáo về thực trạng tài chính, thực trạng và kết quả kinh doanh của Công ty khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

đ) Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Kiểm soát viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

e) Trường hợp phát hiện Chủ tịch công ty, Giám đốc và những người quản lý khác làm trái các quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái các quy định đó; hoặc phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, làm trái các quy định về quản lý kinh tế, trái quy định Điều lệ công ty hoặc các quy chế quản trị nội bộ công ty phải báo cáo ngay cho cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty và cá nhân có liên quan.

4. Nghĩa vụ của Ban kiểm soát

a) Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh;

b) Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của công ty;

c) Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty;

d) Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo, quy chế quản trị nội bộ khác của Công ty;

đ) Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;

e) Giám sát hợp đồng, giao dịch của công ty với các bên có liên quan;

g) Giám sát thực hiện dự án đầu tư lớn; hợp đồng, giao dịch mua, bán; hợp đồng, giao dịch kinh doanh khác có quy mô lớn; hợp đồng, giao dịch kinh doanh bất thường của công ty;

h) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này cho cơ quan đại diện chủ sở hữu;

i) Thực hiện nghĩa vụ khác theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

k) Xây dựng Kế hoạch công tác hằng năm, trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt, ban hành trong quý I; thực hiện theo Kế hoạch công tác năm được phê duyệt.

l) Giám sát thực hiện các dự án đầu tư lớn có giá trị lớn hơn 30% vốn chủ sở hữu hoặc lớn hơn mức vốn của dự án nhóm B theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công, hợp đồng, giao dịch mua, bán, giao dịch kinh doanh có giá trị lớn hơn 10% vốn chủ sở hữu hoặc theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu; giao dịch kinh doanh bất thường của Công ty.

5. Trách nhiệm của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên

5.1 Trách nhiệm của Trưởng ban kiểm soát

a) Xây dựng kế hoạch công tác hằng tháng, hằng quý và hằng năm của Ban; phân công nhiệm vụ và công việc cụ thể cho từng Kiểm soát viên.

b) Định kỳ rà soát, đánh giá, thông qua báo cáo kết quả kiểm soát trong tháng trình cơ quan đại diện chủ sở hữu; thảo luận và thông qua kế hoạch hoạt động tiếp theo của Ban. Các ý kiến khác với nội dung quyết định đã được thông qua phải được ghi chép đầy đủ, chính xác và báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu.

5.2 Trách nhiệm của Kiểm soát viên

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên.

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước và lợi ích hợp pháp của các bên tại Công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Nhà nước và Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Chủ động và độc lập thực hiện nhiệm vụ và công việc được phân công; đề xuất, kiến nghị thực hiện nhiệm vụ, công việc kiểm soát khác ngoài kế hoạch, ngoài phạm vi được phân công khi xét thấy cần thiết.

đ) Các trách nhiệm khác theo quy định của Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và pháp luật liên quan.

6. Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 5.2 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật và phải hoàn trả lại cho Công ty mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định.

7. Miễn nhiệm, cách chức Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên

a) Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 3, Điều 103 của Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Có đơn xin từ chức và được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận;
- Được cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc cơ quan có thẩm quyền khác điều động, phân công thực hiện nhiệm vụ khác;

b) Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên bị cách chức trong các trường hợp sau đây:

- Không thực hiện nhiệm vụ, nghĩa vụ, công việc được phân công của mình trong 03 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công trong 01 năm;
- Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

8. Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên được hưởng tiền lương, thù lao và lợi ích khác theo kết quả hoạt động kiểm soát, kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định mức và chi trả tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ và quy định của pháp luật. Chế độ chi trả lương, thù lao và lợi ích khác thực hiện theo quy định của pháp luật; được hưởng chế độ ưu đãi, phúc lợi và tham gia các hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên như người lao động khác tại Công ty.

Điều 19. Giám đốc

1. Giám đốc do Chủ tịch công ty quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Giám đốc có nhiệm vụ điều hành các hoạt động hằng ngày của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, phương án kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty;

b) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của công ty, Chủ tịch công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty;

c) Quyết định các công việc hằng ngày của Công ty;

d) Quyết định bổ nhiệm, thuê, miễn nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng đối với các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty, sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Chủ tịch công ty;

đ) Ký hợp đồng, giao dịch nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;

e) Lập và trình Chủ tịch công ty báo cáo định kỳ hằng quý, hằng năm về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh và báo cáo tài chính hằng năm;

g) Kiến nghị phân bổ và sử dụng lợi nhuận sau thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;

h) Tuyển dụng lao động;

i) Kiến nghị phương án tổ chức lại công ty khi xét thấy cần thiết;

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của Giám đốc.

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và của chủ sở hữu công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và chủ sở hữu công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà mình và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết ở trụ sở chính và các văn phòng đại diện thuộc Công ty.

đ) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích công ty và gây thiệt hại cho người khác;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các pháp luật liên quan.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện của Giám đốc.

a) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty.

b) Không phải là người có quan hệ gia đình gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của:

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu;
- Chủ tịch công ty;
- Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty.

c) Không đồng thời là cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

d) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc tại công ty hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác.

đ) Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.

e) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định của pháp luật có liên quan.

5. Miễn nhiệm, cách chức đối với Giám đốc

a) Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 101 của Luật Doanh nghiệp;

- Có đơn xin nghỉ việc.

b) Giám đốc bị cách chức trong các trường hợp sau đây:

- Công ty không bảo toàn được vốn theo quy định pháp luật;

- Công ty không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh hằng năm;

- Không có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh mới của công ty;

- Công ty vi phạm pháp luật hoặc có hoạt động kinh doanh trái với quy định của pháp luật;

- Vi phạm một trong số các nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 97 và Điều 100 của Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Điều 20. Quan hệ giữa Chủ tịch công ty và Giám đốc trong quản lý, điều hành Công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc báo cáo với Chủ tịch công ty để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp Chủ tịch công ty không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc có thể báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty, nhưng vẫn phải thực hiện nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty.

2. Giám đốc lập và gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng, quý, năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty cho Chủ tịch công ty; có trách nhiệm báo cáo đột xuất về các vấn đề quản trị, tổ chức quản lý và điều hành của công ty theo yêu cầu của Chủ tịch công ty.

3. Giám đốc phải mời Chủ tịch công ty hoặc người được Chủ tịch công ty ủy quyền tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các báo cáo, đề án trình Chủ tịch công ty hoặc trình cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty do Giám đốc chủ trì để phối hợp chuẩn bị nội dung có liên quan. Chủ tịch công ty hoặc người được ủy quyền tham dự có quyền phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp.

Điều 21. Hợp đồng, giao dịch với những người có liên quan

1. Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty:

a) Không được để vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh kế toán trưởng, thủ quỹ của công ty;

b) Báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty về các hợp đồng kinh tế, dân sự của công ty ký kết với vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty. Trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty có quyền yêu cầu Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty không được ký kết hợp đồng đó. Nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty phải bồi thường thiệt hại cho công ty và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu (nếu có).

Điều 22. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc

1. Phó Giám đốc.

a) Công ty có không quá hai (02) Phó Giám đốc. Chủ tịch công ty quyết định đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, chấp thuận từ chức, khen thưởng, kỷ luật Phó Giám đốc theo đề nghị của Giám đốc. Thời hạn bổ nhiệm Phó Giám đốc không quá năm (05) năm.

b) Không được kiêm nhiệm là các chức danh khác của doanh nghiệp khác, trừ trường hợp theo sự phân công của Chủ tịch công ty.

c) Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Giám đốc.

Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành hoạt động của Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc về nhiệm vụ được phân cấp và ủy quyền, chịu trách nhiệm về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của Phó Giám đốc.

a) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty.

b) Không phải là người có quan hệ gia đình gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của:

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu;
- Chủ tịch công ty;
- Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty.

c) Không đồng thời là cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

d) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc tại công ty hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác.

đ) Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.

e) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định của pháp luật có liên quan.

3. Kế toán trưởng do Chủ tịch công ty bổ nhiệm

a) Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm theo quy định của Luật kế toán và pháp luật có liên quan.

b) Kế toán trưởng có trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật kế toán và các pháp luật có liên quan.

c) Thời hạn bổ nhiệm Kế toán trưởng là năm (05) năm.

4. Trường hợp miễn nhiệm, cách chức đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

a) Phó Giám đốc, Kế toán trưởng bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 102 của Luật Doanh nghiệp;

- Có đơn xin nghỉ việc.

b) Phó Giám đốc, Kế toán trưởng bị cách chức trong các trường hợp sau đây:

- Vi phạm một trong số các nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 97 của Luật Doanh nghiệp;

5. Bộ máy giúp việc gồm văn phòng, các phòng, bộ phận chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty quản lý, điều hành công ty, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu đối với Công ty. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Giám đốc quyết định sau khi được Chủ tịch công ty chấp thuận.

Điều 23. Đơn vị trực thuộc

Đơn vị trực thuộc là văn phòng đại diện của Công ty hoạt động theo chế độ Nhà nước quy định và quy chế do Chủ tịch công ty phê duyệt; toàn bộ vốn, tài sản của các đơn vị này được hạch toán kế toán tập trung tại Công ty và thuộc sở hữu của Công ty; trong quá trình hoạt động, Chủ tịch công ty quyết định việc thành lập mới hoặc chấm dứt hoạt động các văn phòng đại diện sau khi được chủ sở hữu phê duyệt chủ trương và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 24. Người lao động trong công ty

1. Người lao động trong Công ty được thực hiện chế độ hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và các quy định pháp luật khác có liên quan. Người lao động tham gia quản lý công ty thông qua Hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu người lao động Công ty; tổ chức công đoàn công ty; thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất với cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:

a) Việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế và các quy định nội bộ khác của Công ty có liên quan đến nghĩa vụ, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động;

b) Nội dung dự thảo hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể trước khi ký kết.

c) Các giải pháp nâng cao năng suất lao động, giải pháp tiết kiệm chi phí, an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, phòng chống cháy nổ sắp xếp bố trí lao động.

d) Phương án tổ chức lại chuyển đổi Công ty.

đ) Tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý, điều hành Công ty khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật.

e) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tập thể người lao động trong Công ty có quyền tham gia giám sát việc thực hiện nghị quyết Hội nghị người lao động; thực hiện các nội quy, quy định,

quy chế, Điều lệ của Công ty; thực hiện thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; việc thu và sử dụng các loại quỹ do người lao động đóng góp; kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động; kết quả thi đua, khen thưởng hàng năm.

4. Hàng năm Công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban chấp hành công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh mà Chủ tịch công ty đã thông qua; đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của công ty và những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

5. Trường hợp công ty có lao động dôi dư do sắp xếp lại sản xuất kinh doanh thì việc giải quyết chế độ đối với lao động dôi dư theo các quy định của pháp luật.

6. Quan hệ giữa Công ty và người lao động thực hiện theo các quy định pháp luật về lao động. Giám đốc lập kế hoạch để Chủ tịch Công ty thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong Công ty cũng như mối quan hệ giữa Công ty với các tổ chức đoàn thể của người lao động.

Chương IV TÀI CHÍNH CÔNG TY

Điều 25. Vốn điều lệ

1. Trong quá trình hoạt động, vốn điều lệ được quy định tại Điều 6 của Điều lệ có thể được điều chỉnh trong quá trình hoạt động. Công ty được bổ sung vốn điều lệ được đánh giá theo tiêu chí, quy định hiện hành; khi điều chỉnh tăng vốn điều lệ được xác định theo các nguyên tắc sau:

- a) Căn cứ quy mô, công suất thiết kế đối với ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh của công ty;
- b) Phù hợp với chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển của Công ty, phù hợp với ngành, nghề kinh doanh chính của công ty được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- c) Phù hợp với phương án sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- d) Vốn điều lệ xác định không thấp hơn mức vốn pháp định của ngành, nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và nguồn bổ sung vốn điều lệ, chủ sở hữu công ty quyết định tăng vốn điều lệ của công ty theo quy định của pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 26. Quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành và phân phối lợi nhuận của Công ty

Công ty thực hiện quản lý vốn và tài sản tuân thủ theo pháp luật đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản liên quan hiện hành.

1. Bảo toàn vốn của công ty

a) Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại Công ty. Mọi biến động về tăng, giảm vốn nhà nước đầu tư vào Công ty, Công ty phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan tài chính để theo dõi, giám sát.

b) Định kỳ hàng năm Công ty phải đánh giá mức độ bảo toàn vốn của Công ty.

2. Đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định của Công ty: việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định của công ty thực hiện theo quy định tại Điều 24 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

3. Thuê tài sản hoạt động

a) Công ty được thuê tài sản (bao gồm cả hình thức thuê tài chính) để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp và đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

b) Việc thuê và sử dụng tài sản thuê phải tuân theo đúng quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

4. Quản lý sử dụng tài sản cố định

a) Công ty thực hiện quản lý, sử dụng tài sản cố định trong quá trình hoạt động kinh doanh theo quy định tại Điều 25 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

b) Công ty thực hiện cho thuê, cầm cố, thế chấp tài sản cố định theo quy định.

5. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản

a) Công ty được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của công ty đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật.

b) Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

6. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

a) Công ty được quyền chủ động và thực hiện nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi vốn trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định; phương thức thanh lý, nhượng bán tài sản cố định; trình tự, thủ tục thanh lý, nhượng bán tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Quản lý doanh thu, thu nhập khác và chi phí của công ty

a) Chủ tịch công ty, Giám đốc chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện chủ sở hữu và trước pháp luật trong việc tổ chức quản lý chặt chẽ, đảm bảo tính đúng đắn, trung thực và hợp pháp của các khoản doanh thu, thu nhập khác và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

b) Toàn bộ doanh thu, thu nhập khác và chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định của pháp luật và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của doanh nghiệp theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

c) Doanh thu, thu nhập khác và chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty được xác định bằng đồng Việt Nam, trường hợp thu hoặc chi bằng ngoại tệ phải quy đổi về đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

d) Công ty phải tính đúng, tính đủ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh, tự trang trải mọi khoản chi phí bằng các khoản thu của công ty và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

đ) Việc xác định doanh thu, thu nhập và chi phí để xác định nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật khác có liên quan.

8. Phân phối lợi nhuận: lợi nhuận của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo quy định.

9. Quản lý và sử dụng các quỹ: Việc sử dụng các quỹ của Công ty nhà nước phải đúng mục đích, đúng đối tượng.

10. Cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành quy chế tài chính của Công ty căn cứ vào đề nghị của công ty theo quy định tại Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và Điểm b, Khoản 1, Điều 42 Nghị định 91/2015/NĐ-CP.

Điều 27. Tài chính, kế toán, kiểm toán.

1. Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 dương lịch hằng năm.

2. Kế hoạch tài chính.

a) Căn cứ vào định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt, công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính dài hạn phù hợp với kế hoạch định hướng của công ty đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định.

b) Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được chủ sở hữu phê duyệt hằng năm, Công ty thực hiện việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính theo thời gian quy định.

c) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện theo chức năng nhiệm vụ; rà soát tổng hợp kế hoạch tài chính của Công ty, báo cáo chủ sở hữu phê duyệt để làm căn cứ cho doanh nghiệp tổ chức thực hiện và cơ quan quản lý nhà nước thực hiện giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động hằng năm; đánh giá người quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

3. Chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán.

Công ty phải tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của Luật Kế toán và pháp luật hiện hành; lập, ghi chép chứng từ ban đầu, cập nhật sổ sách kế toán, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính. Báo cáo tài chính năm của Công ty phải được kiểm toán trước khi nộp cho cơ quan nhà nước và trước khi công khai.

4. Báo cáo tài chính, thống kê và các báo cáo khác

a) Cuối kỳ kế toán (quý, năm), công ty phải lập, trình bày, gửi các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê cho các cơ quan nhà nước và thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, thống kê và việc thực hiện công khai tài chính.

b) Ngoài các báo cáo tài chính, thống kê định kỳ lập và gửi theo quy định nêu trên, công ty phải thực hiện lập, gửi các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước.

Chương V

TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 28. Tổ chức lại

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định các hình thức tổ chức lại Công ty theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức lại Công ty theo trình tự sau:

a) Cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền cho Chủ tịch công ty lập và thực hiện phương án tổ chức lại sau khi có quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

b) Quyết định tổ chức lại được gửi đến các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định tổ chức lại.

c) Trường hợp tổ chức lại dẫn đến thay đổi mục tiêu, ngành, nghề kinh doanh, vốn điều lệ thì Công ty phải làm thủ tục đăng ký lại hoặc đăng ký bổ sung với cơ quan có thẩm quyền về đăng ký kinh doanh. Quyết định tổ chức lại được kèm theo hồ sơ đăng ký kinh doanh.

3. Trách nhiệm của Công ty khi tổ chức lại:

a) Đối với trường hợp chia Công ty, các doanh nghiệp hình thành từ chia công ty cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty;

b) Đối với trường hợp tách Công ty, doanh nghiệp được tách và Công ty cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty;

c) Đối với trường hợp hợp nhất, Công ty được hưởng các quyền lợi hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp bị hợp nhất;

d) Đối với trường hợp sáp nhập, Công ty được hưởng các quyền lợi hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Điều 29. Sắp xếp doanh nghiệp

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định hình thức chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản công ty.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN VÀ QUYỀN TIẾP CẬN HỒ SƠ, SỔ SÁCH TRONG CÔNG TY

Điều 30. Trách nhiệm báo cáo và thông tin của Giám đốc.

1. Giám đốc có trách nhiệm gửi Chủ tịch công ty những tài liệu sau đây theo định kỳ hàng quý:

a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty và các báo cáo khác theo quy định.

2. Chủ tịch Công ty có quyền yêu cầu Giám đốc, những người quản lý của Công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty.

3. Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ hồ sơ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Công ty.

Điều 31. Báo cáo và thông tin cho cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty

1. Chủ tịch công ty lập và gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty những tài liệu sau đây:

a) Báo cáo về tình hình kinh doanh và tài chính của Công ty;

b) Báo cáo về tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty; và kết quả thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền hoặc ghi tại quyết định bổ nhiệm (nếu có);

c) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên trình cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty:

a) Báo cáo kết quả kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Chủ tịch công ty, Giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý và các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật về chế độ báo cáo, thông tin của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3. Báo cáo định kỳ được trình ít nhất một lần trong một quý. Báo cáo đột xuất được lập và gửi theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu trong từng trường hợp.

Điều 32. Công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện; thông tin công bố phải đầy đủ, chính xác, theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm yêu cầu công khai, minh bạch về hoạt động của doanh nghiệp; bảo đảm tính hiệu quả, hiệu lực trong hoạt động quản lý và giám sát của cơ quan nhà nước và xã hội. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

2. Công ty phải công bố định kỳ các thông tin sau đây:

a) Thông tin cơ bản về công ty và Điều lệ công ty;

b) Mục tiêu tổng quát; mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm;

c) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm;

d) Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao theo kế hoạch hoặc đấu thầu (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác;

đ) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 06 tháng của doanh nghiệp;

e) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức hằng năm;

g) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm;

h) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hằng năm.

3. Công ty phải công bố và gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 1 Điều 110 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

4. Đối với nội dung quan trọng, liên quan hoặc ảnh hưởng đến bí mật và an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh, doanh nghiệp báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định nội dung cần hạn chế công bố thông tin.

5. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin theo Điều 26 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ.

6. Cơ quan đại diện chủ sở hữu đăng tải trên cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan các thông tin phải công bố định kỳ của doanh nghiệp trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Công ty.

7. Báo cáo công bố thông tin phải được duy trì trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan đại diện chủ sở hữu và Cổng thông tin doanh nghiệp tối thiểu 05 năm. Doanh nghiệp công bố thông tin thực hiện việc bảo quản, lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.

Chương VII

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty

Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty. Chủ tịch công ty có quyền kiến nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

Điều 34. Quản lý con dấu của Công ty

1. Con dấu của Công ty hình tròn được khắc theo quy định của pháp luật có các nội dung sau:

- a) Tên doanh nghiệp;
- b) Mã số doanh nghiệp;
- c) Địa danh hành chính (thành phố, tỉnh) nơi đặt trụ sở chính Công ty.

2. Chủ tịch công ty quyết định việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu của công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

Việc giải quyết tranh chấp nội bộ trong Công ty trước hết phải được thực hiện theo phương thức thương lượng, hòa giải. Trường hợp giải quyết tranh chấp nội bộ theo phương thức thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra các cơ quan có thẩm quyền để giải

quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng và bên thua kiện sẽ chịu toàn bộ án phí.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Tổ chức thực hiện

1. Những nội dung không quy định trong Điều lệ này thì thực hiện theo pháp luật có liên quan.

2. Công ty ban hành các quy chế quản lý nội bộ. Các quy chế nội bộ phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ này.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được quy định tại Điều lệ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty./.